

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-ST
Ngày: 21/7/2021.
V/v tranh chấp Hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và ông A Hậu.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2020/TLST-DS ngày 16/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-DS ngày 24/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: Số 198, Tr, phường L, quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết H - Chức vụ: Tổ trưởng tổ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Kon Tum (Văn bản ủy quyền số 217/VCB – KTU-UQ ngày 21/7/2021). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1969. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phan Ngọc Á, sinh ngày 18/10/2002. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 01, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2020, Bản tự khai ngày 21/12/2020 và tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh Kon Tum (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với bà Bùi Thị H ký kết hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1083/19/CT/NHNT ngày 21/5/2019 cho bà Bùi Thị H vay số tiền 850.000.000 đồng; mục đích vay thu mua hàng nông sản; thời hạn vay tối đa là 11 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay; lãi suất trong hạn là 9,7%/ năm, lãi suất quá hạn là 12,61% /năm.

Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trên bà Bùi Thị H ký kết Hợp đồng thế chấp số 20/07/NHNT ngày 20/7/2016 dùng tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng trên gồm:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, tại tờ bản đồ số 8, thửa đất số 108, diện tích 1.555,5m² tại xã Nam Yang, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 134102 do UBND huyện Mang Yang (Nay là huyện Đăk Đoa), tỉnh Gia Lai cấp ngày 26/12/1998 mang tên ông Phan Đức Ph. Đăng ký biến động lần 1 ngày 12/7/2010 và lần 2 ngày 11/8/2010, lần 3 ngày 31/7/2015.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, tại tờ bản đồ số 18, thửa đất số 83, 54, diện tích 4.717m² tại xã Nam Yang, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số U 734717 do UBND huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/5/2002 mang họ ông Phan Đức Phụng. Đăng ký biến động ngày 31/7/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên bà Bùi Thị H đã vi phạm hợp đồng dẫn đến tình trạng quá hạn do không thanh toán được khoản nợ gốc và nợ lãi đến hạn theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử 21/7/2021 dư nợ đã quá hạn của bà Bùi Thị H tại Ngân hàng là 1.015.433.351 đồng (*Một tỷ, không trăm mười lăm triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc là 850.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 134.768.727 đồng, lãi quá hạn 30.664.624 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền tổng cộng là 1.015.433.351 đồng và toàn bộ các khoản lệ phí, lãi suất phát sinh từ ngày 22/7/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 1083/19/ /KT/NHNT ký ngày 21/5/2019. Trường hợp bà Bùi Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của bà Bùi Thị H theo hợp đồng thế chấp tài sản mà bà Bùi Thị H và anh Phan Ngọc Á đã ký kết với Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 07/4/2021(BL 111) bà Bùi Thị H trình bày: Bà Bùi Thị H có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh

Kon Tum như nội dung khởi kiện của nguyên đơn mà Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã thụ lý vụ án số 214/2020/TLST-DS ngày 16/12/2020 là hoàn toàn đúng sự thật. Do kinh tế khó khăn nên bà H không trả nợ đúng hạn như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Bà Bùi Thị H cam kết sẽ trả nợ cho Ngân hàng khi bán được tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất. Bà H khai rằng, hiện nay con trai bà là anh Phan Ngọc Á, sinh năm 2002 đang làm việc tại Thành Phố Hồ Chí Minh, do đó bà nhận thay giấy triệu tập, thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum. Bà H có ý kiến, nếu vắng mặt bà thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Ngọc Á đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Phan Ngọc Á không có ý kiến trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện giao nộp tài liệu, chứng cứ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia tố tụng; không đến Tòa làm việc, như vậy bà bị đơn bà Bùi Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Ngọc Á đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận, buộc bà Bùi Thị H phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 21/7/2021 là 850.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi trong hạn 134.768.727 đồng, lãi quá hạn 30.664.624 đồng và chịu lãi phát sinh từ ngày 22/7/2021 theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi các bên thỏa thuận và phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định. Trường hợp bà Bùi Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản mà bà Bùi Thị H đã thế chấp để thu hồi nợ.

Bà Bùi Thị H phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam không phải chịu án phí và chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng do bà Bùi Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do tranh chấp phát sinh từ quan hệ Hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum giải quyết là nơi hợp đồng được thực hiện. Đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Bị đơn bà Bùi Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Ngọc Á đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng bà Bùi Thị H và anh Phan Ngọc Á vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Bùi Thị H và anh Phan Ngọc Á.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu của Nguyên đơn về yêu cầu bà Bùi Thị H trả nợ tiền: Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 21/5/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh Kon Tum và bà Bùi Thị H đã ký kết Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1083/19/CT/NHNT với nội dung bà Bùi Thị H vay số tiền 850.000.000 đồng; mục đích vay thu mua hàng nông sản; thời hạn vay tối đa là 11 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay; lãi suất trong hạn là 9,7%/ năm, lãi suất quá hạn là 12,61% /năm. Thời điểm trả nợ gốc khách hàng phải trả nợ gốc cho Ngân hàng vào cuối kỳ trả nợ. Việc ký kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 117, Điều 385, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng số 1083/19/CT/NHNT ngày 21/5/2019, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 850.000.000 đồng cho bà Bùi Thị H. Mặc dù đã đến hạn phải thanh toán, nhưng bị đơn bà Bùi Thị H vẫn chưa thanh toán được số tiền

gốc cho Ngân hàng theo thoả thuận trong hợp đồng. Nên Ngân hàng yêu cầu bà Bùi Thị H trả số tiền gốc 850.000.000 đồng là có căn cứ và cần chấp nhận.

Đối với khoản tiền nợ lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 21/7/2021) là:

+ *Tiền lãi trong hạn*: 134.768.727 đồng.

+ *Tiền lãi quá hạn*: 30.664.624 đồng.

Xét thấy tại Điểm 3.1 và Điểm 3.2, các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay trong hợp đồng là 9,7%/năm và lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay là 12,61% /năm. Mức lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận phù hợp với các quy định tại khoản 2, 3 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết.

Từ những nhận định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi nợ tiền: Buộc bà Bùi Thị H phải trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP N số tiền gốc và lãi đến ngày xét xử là 1.015.433.351 đồng (*Một tỷ, không trăm mười lăm triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc là 850.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 134.768.727 đồng, lãi quá hạn 30.664.624.

Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/7/2021, bị đơn bà Bùi Thị H còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng hai bên đã thỏa thuận.

[2.2]. Về tài sản đảm bảo cho khoản vay: Xét Hợp đồng thế chấp số 20/07/NHNT ngày 20/7/2016 giữa Ngân hàng với bà Bùi Thị H và anh Phan Ngọc Á. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, tại tờ bản đồ số 8, thửa đất số 108, diện tích 1.555,5m² tại xã Nam Yang, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 134102 do UBND huyện Mang Yang (Nay là huyện Đăk Đoa), tỉnh Gia Lai cấp ngày 26/12/1998 mang tên ông Phan Đức Ph. Đăng ký biến động lần 1 ngày 12/7/2010 và lần 2 ngày 11/8/2010, lần 3 ngày 31/7/2015 và quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, tại tờ bản đồ số 18, thửa đất số 83, 54, diện tích 4.717m² tại xã Nam Yang, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số U 734717 do UBND huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/5/2002 mang họ ông Phan Đức

Ph. Đăng ký biến động ngày 31/7/2015.

Ông Phan Đức Ph chết vào ngày 20/4/2014 và tại văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản thừa kế của các đồng thừa kế ông Phan Đức Ph được công chứng ngày 21/7/2015, những người thừa kế của ông Phan Đức Ph đã tặng cho toàn bộ tài sản trên cho bà Bùi Thị H. Đối với phần di sản thừa kế của anh Phan Ngọc Á (Con đẻ của bà Bùi Thị H và ông Phan Đức Ph) được hưởng của ông Phan Đức Ph do người giám hộ đương nhiên là bà Bùi Thị H quản lý theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 20 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Người từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý*”. Khi ký kết Hợp đồng thế chấp số 20/07/NHNT ngày 20/7/2016 giữa Ngân hàng TMCP N với bà Bùi Thị H và anh Phan Ngọc Á (Sinh ngày 18/10/2002) lúc đó mới 13 tuổi 09 tháng 02 ngày anh Phan Ngọc Á ký vào hợp đồng thế chấp và người đại diện theo pháp luật của anh Á là bà Bùi Thị H đồng ý ký kết vào hợp đồng và Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó Hợp đồng thế chấp số 20/07/NHNT ngày 20/7/2016 giữa Ngân hàng với bà Bùi Thị H và anh Phan Ngọc Á có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, trường hợp bà Bùi Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 5.800.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N được chấp nhận nên bà Bùi Thị H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N 5.800.000 đồng (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N được chấp nhận nên bà Bùi thị H phải chịu án phí sơ thẩm là 42.463.000 đồng. { 36.000.000 đồng + (3% x 215.433.351 đồng). Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 20, Điều 121, Điều 122, Điều 342, Điều 343, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 385, Điều 463, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N, đơn đề ngày 03/12/2020.

Buộc bà Bùi Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tổng cộng là 1.015.433.351 đồng (*Một tỷ, không trăm mười lăm triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi mốt đồng*). Trong đó nợ gốc là 850.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 134.768.727 đồng, lãi quá hạn 30.664.624 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/7/2021 bà Bùi Thị H phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1083/19/CT/NHNT ngày 21/5/2019 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP N.

Trường hợp bà Bùi Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm mà bà Bùi Thị H và anh Phan Ngọc Á đã ký kết với Ngân hàng TMCP N để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 20/07/NHNT ngày 20/7/2016 bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, tại tờ bản đồ số 8, thửa đất số 108, diện tích 1.555,5m² tại xã Nam Yang, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 134102 do UBND huyện Măng Yang (Nay là huyện Đăk Đoa), tỉnh Gia Lai cấp ngày 26/12/1998 mang tên ông Phan Đức Ph. Đăng ký biến động lần 1 ngày 12/7/2010 và lần 2 ngày 11/8/2010, lần 3 ngày 31/7/2015 và quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, tại tờ bản đồ số 18, thửa đất số 83, 54, diện tích 4.717m² tại xã Nam Yang, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số U 734717 do UBND huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/5/2002 mang tên hộ ông Phan Đức Ph. Đăng ký biến động ngày 31/7/2015.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Bùi Thị H phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.800.000 đồng (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*). Bà Bùi Thị H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã nộp là 5.800.000 đồng (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị H phải chịu 42.463.000 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N 20.214.000 đ (Hai mươi triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003919 ngày 16/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/7/2021). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tp Kon Tum;
- Chi cục THADS tp Kon Tum;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tp Kon Tum;
- Chi cục THADS tp Kon Tum;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**